

PHỤ LỤC I

MẪU BẢN GHI CHÉP TẠI HIỆN TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quy trình kiểm định QTKĐ 02:2021/BQP)

(Cơ quan quản lý cấp trên)
(Tên tổ chức KĐQĐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày ... tháng ... năm

BẢN GHI CHÉP TẠI HIỆN TRƯỜNG

(Máy sàng thuốc TEN)

Số:/BGC-(Tên tổ chức KĐQĐ)

(Kiểm định viên ghi đầy đủ các nội dung đánh giá và thông số kiểm tra, thử nghiệm theo đúng quy trình kiểm định)

I. Thông tin chung

Tên thiết bị:

.....

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ (trụ sở chính của cơ sở):

Địa chỉ (vị trí) lắp đặt:

Tham gia buổi làm việc với cơ sở:

- Tên người tham gia buổi làm việc:

- Người chứng kiến:

II. Kiểm tra hồ sơ

1. Kiểm định kỹ thuật an toàn lần đầu:

a) Hồ sơ xuất xưởng:

- Lý lịch của thiết bị;

- Bản vẽ cấu tạo của thiết bị;
- Hồ sơ động cơ điện phòng nổ;
- Hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng;
- Chứng chỉ kiểm tra chất lượng kim loại chế tạo, đai dẫn;
- Chứng chỉ kiểm tra kim loại hàn, mối hàn.

b) Hồ sơ lắp đặt:

- Thiết kế lắp đặt;
- Biên bản nghiệm thu tổng thể hệ thống.

c) Báo cáo kết quả hiệu chuẩn thiết bị đo lường; biên bản kiểm tra tiếp đất, chống sét, thiết bị bảo vệ.

2. Kiểm định kỹ thuật an toàn định kỳ:

- Lý lịch, biên bản kiểm định và phiếu kết quả kiểm định lần trước;
- Nhật ký vận hành;
- Sổ theo dõi sửa chữa và bảo dưỡng; biên bản thanh tra, kiểm tra.

3. Kiểm định kỹ thuật an toàn bất thường:

- Hồ sơ như kiểm định định kỳ;
- Hồ sơ về sửa chữa; biên bản kiểm tra về chất lượng sửa chữa, thay đổi.

III. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài

1. Vị trí, mặt bằng lắp đặt trong các khoang, buồng (khoảng cách với tường, giữa các thiết bị).
2. Ánh sáng vận hành.
3. Hệ động lực, chuyển động, bôi trơn, làm mát.
4. Thông số kỹ thuật so với lý lịch:
 - Thiết bị chịu lực: Mã hiệu, số chế tạo, nước chế tạo, tháng năm chế tạo, nhiệt độ...;

- Thiết bị điện: Mã hiệu, số chế tạo, nước chế tạo, tháng năm chế tạo, mức bảo vệ; công suất, điện áp, dòng điện, tốc độ, tần số định mức, hệ số công suất.

5. Tình trạng của các bộ phận chịu lực: Móp méo, phòng dộp, han gỉ, rạn nứt..

6. Thiết bị đo lường (số lượng, thang đo, đơn vị đo, cấp chính xác, số tem hiệu chuẩn).

7. Hệ thống thông gió.

8. Động cơ điện.

9. Hệ thống điện, cáp dẫn.

10. Đai dẫn.

11. Tình trạng sơn.

12. Tình trạng bề mặt các chi tiết, mối hàn.

13. Tình trạng cơ cấu sàng.

IV. Kiểm tra kỹ thuật lắp đặt

1. Lắp ghép giữa các chi tiết, cụm cơ cấu: Các chi tiết ren, bích nối, ống nối, mối hàn, đai dẫn...

2. Thiết bị điện, hệ thống điện:

- Kiểm tra khe hở mặt bích phòng nổ;

- Kiểm tra cơ cấu bắt chặt;

- Kiểm tra điện trở cách điện, điện trở tiếp đất vỏ động cơ.

V. Kiểm tra thiết bị kiểm tra, an toàn, dụng cụ đo kiểm

Số lượng, thang đo, đơn vị đo, cấp chính xác, số tem, thời hạn hiệu chuẩn.

VI. Thử vận hành

1. Tình trạng làm việc của thiết bị an toàn.

2. Tình trạng làm việc của thiết bị đo kiểm.

3. Tình trạng làm việc của động cơ điện và bộ phận truyền động.

4. Tình trạng làm việc của thiết bị.

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ, tên)

KIỂM ĐỊNH VIÊN
(Ký, ghi rõ họ, tên)